

Đề tài: Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Ý nghĩa phương pháp luận và sự vận dụng của Đảng ta trong quá trình đổi mới đất nước.

Phần I

MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

I. Vật chất và các hình thức tồn tại của nó.

1. Định nghĩa phạm trù vật chất

1.1 Quan niệm của chủ nghĩa duy vật trước Mác về vật chất: Chủ nghĩa duy vật trước Mác có rất nhiều định nghĩa về vật chất, trong đó nổi lên các định nghĩa điển hình sau đây:

* Thời kì cổ đại: đồng nhất vật chất với một dạng vật cụ thể:

- Talet cho rằng vật chất là nước. - Anaximen cho rằng vật chất là không khí. - Đê-môcrit cho rằng vật chất là nguyên tử. => Quan niệm vật chất thời kì cổ đại mang tính trực quan, cảm tính. Nó chỉ có tác dụng chống lại quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo.

* Thời kì cận đại thế kỷ XVII – XVIII: đồng nhất vật chất với thuộc tính của vật chất. VD: Niuton cho rằng khối lượng là vật chất.

=> Quan điểm vật chất thời kì cận đại mang tính siêu hình, máy móc.

1.2 Định nghĩa vật chất của Lênin:

“Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”.

Đây là định nghĩa khoa học nhất, hoàn chỉnh nhất về vật chất của V.I.Lênin trong tác phẩm Chủ nghĩa duy vật và Chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán. Định nghĩa trên đã đề cập đến các nội dung chủ yếu sau:

- Vật chất là cái tồn tại khách quan bên ngoài ý thức và không phụ thuộc vào ý thức bất kể sự tồn tại ấy con người đã nhận thức được hay chưa nhận thức được.

- Vật chất là cái gây nên cảm giác ở con người khi trực tiếp hoặc gián tiếp tác động lên giác quan của con người.

- Cảm giác, ý thức, tư duy chỉ là sự phản ánh của vật chất lên con người, tức con người có khả năng nhận thức được vật chất, thực tại khách quan. 2. Các hình thức tồn tại của vật chất:

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng vật chất tồn tại bằng vận động, và vận động của vật chất diễn ra trong không gian và thời gian. Vì vậy, vận động, không gian và thời gian là các hình thức tồn tại của vật chất.

2.1. Vận động:

Theo quan điểm siêu hình, vận động là sự di chuyển vị trí cả vật thể trong không gian, thời gian, nguồn gốc của sự vận động là ở bên ngoài sự vật hiện tượng. Còn theo quan điểm duy vật biện chứng, vận động là mọi sự biến đổi nói chung. Xét về bản chất, vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất, vận động không do ai sáng tạo ra và cũng không mất đi mà nó tồn tại vĩnh viễn. Nguồn gốc vận động là do bản thân sự vật hiện tượng quy định. Các hình thức cơ bản của vận động bao gồm: vận động cơ học, vật lý, hóa học, sinh học và xã hội.

2.2 Không gian và thời gian

Vật chất luôn vận động và phát triển, sự vận động ấy không ở đâu khác. “Ngoài không gian và thời gian”. Không gian và thời gian là một thuộc tính khách quan của vật chất, gắn liền với sự vận động của vật chất. Mọi sự vật tồn tại khách quan đều có vị trí, có hình thức kết cấu, có độ dài ngắn, ngang dọc, cao thấp của nó, tất cả những thuộc tính đó được gọi là không gian.

Mọi sự vật đều ở trong trạng thái không ngừng biến đổi, mà mọi sự biến đổi diễn ra đều có quá trình, có độ dài của sự diễn biến, nhanh, chậm kế tiếp nhau, tất cả những thuộc tính đó được gọi là thời gian. Như vậy, không gian và thời gian là thuộc tính khách quan, nội tại của bản thân vật chất. Không gian là hình thức tồn tại của vật chất vận động về mặt vị trí, quảng tính, kết cấu, còn thời gian là hình thức tồn tại của vật chất vận động về mặt độ dài diễn biến, sự kế tiếp nhau của quá trình. Không gian và thời gian là hai thuộc tính khác nhau nhưng không thể tách rời nhau của vật chất vận động. Vì vậy, không gian và thời gian có những tính chất sau đây:

- Tính khách quan: không gian và thời gian là một thuộc tính của vật chất, tồn tại gắn liền với vật chất vận động. Vật chất tồn tại khách quan, do đó không gian và thời gian cùng tồn tại khách quan.

- Tính vĩnh cửu của thời gian và tính vô tận của không gian, những thành tựu của vật lý học hiện đại về lĩnh vực vi mô cũng như vũ trụ học ngày càng xác nhận những tính chất này.

- Tính ba chiều của không gian và tính một chiều của thời gian, tính ba chiều của không gian là chiều dài, chiều rộng và chiều cao. Tính một chiều của thời gian là chiều từ quá khứ đến tương lai.

II. Nguồn gốc và bản chất của ý thức:

Vấn đề nguồn gốc, bản chất và vai trò của ý thức là một vấn đề hết sức phức tạp của triết học, là trung tâm của cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong lịch sử.

Dựa trên những thành tựu của triết học duy vật, của khoa học và thực tiễn xã hội, triết học Mác – Lênin đã góp phần làm sáng tỏ vấn đề trên đây.

1. Quan điểm của triết học Mac – Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức:

1.1. Nguồn gốc của ý thức:

1.1.a. Nguồn gốc tự nhiên:

Trước Mác nhiều nhà duy vật tuy không thừa nhận tính chất siêu tự nhiên của ý thức, song do khoa học chưa phát triển nên cũng đã không giải thích đúng nguồn gốc và bản chất của ý thức.

Dựa trên những thành tựu của khoa học tự nhiên nhất là sinh lý học thần kinh, chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định rằng ý thức là một thuộc tính của vật chất nhưng không phải của mọi dạng vật chất mà chỉ là thuộc tính của một dạng vật chất sống có tổ chức cao là bộ óc người. Bộ óc người là cơ quan vật chất của ý thức. Ý thức là chức năng của bộ óc người. Hoạt động ý thức của con người diễn ra trên sở hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc người. Ý thức phụ thuộc vào hoạt động bộ óc người, do đó khi bộ óc bị tổn thương thì hoạt động ý thức sẽ không bình thường hoặc bị rối loạn. Vì vậy, không thể tách rời ý thức ra khỏi hoạt động của bộ óc. Ý thức không thể diễn ra, tách rời hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc người.

Tuy nhiên, nếu chỉ có bộ óc không thôi mà không có sự tác động của thế giới bên ngoài để bộ óc phản ánh lại tác động đó thì cũng không thể có ý thức.

Phản ánh là thuộc tính chung, phổ biến của mọi đối tượng vật chất, thuộc tính này được biểu hiện ra trong sự liên hệ, tác động qua lại giữa các đối tượng vật chất với nhau, phản ánh là sự tái tạo những đặc điểm của một hệ thống vật chất này ở hệ thống vật chất khác trong quá trình tác động qua lại của chúng. Kết quả của sự phản ánh phụ thuộc vào cả hai vật – vật tác động và vật nhận tác động. Đồng thời quá trình phản ánh bao hàm quá trình thông tin. Nói cách khác, vật nhận tác động bao giờ cũng mang thông tin của vật tác động. Đây là điều hết sức quan trọng để làm sáng tỏ nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

Là hình thức cao nhất của sự phản ánh thế giới hiện thực, ý thức chỉ nảy sinh ở giai đoạn phát triển cao của thế giới vật chất, cùng với sự xuất hiện của con người. Ý thức là ý thức của con người, nằm trong con người, không thể tách rời con người. Ý thức bắt nguồn từ một thuộc tính của vật chất – thuộc tính phản ánh – phát triển thành.

Ý thức ra đời là kết quả phát triển lâu dài của thuộc tính phản ánh của vật chất, nội dung của nó là thông tin về thế giới bên ngoài, về vật được phản ánh. Ý thức và sự phản ánh thế giới bên ngoài vào trong bộ óc người. bộ óc người là cơ quan phản ánh song chỉ có riêng bộ óc thôi thì chưa thể có ý thức. Không có sự tác động của thế giới bên ngoài lên các giác quan và qua đó đến bộ óc thì hoạt động ý thức không thể xảy ra.

Như vậy, bộ óc người cùng với thế giới bên ngoài tác động lên bộ óc, đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

1.1.b. Nguồn gốc xã hội:

Đề cho ý thức ra đời, những tiền đề, nguồn gốc tự nhiên là rất quan trọng, không thể thiếu được, song chưa đủ điều kiện quyết định cho sự ra đời cùng với quá trình hình thành bộ óc người nhờ lao động, ngôn ngữ và những quan hệ xã hội, ý thức là sản phẩm của sự phát triển xã hội, nó phụ thuộc và xã hội, và ngay từ đầu đã mang tính chất xã hội.

Quá trình hình thành ý thức không phải là quá trình con người thụ nhận thụ động. Nhờ có lao động con người tác động vào các đối tượng hiện thực, bắt chúng phải bộc lộ những thuộc tính, những kết cấu, những quy luật vận động của mình thành những hiện tượng nhất định và các hiện tượng này tác động vào bộ óc người. ý thức được hình thành không phải chủ yếu là do tác động thuần túy, tự nhiên của thế giới khách quan vào bộ óc người, mà chủ yếu là do hoạt động của con người cải tạo thế giới khách quan làm biến đổi thế giới đó. Quá trình hình thành ý thức là kết quả hoạt động, chủ động của con người. như vậy, không phải bỗng nhiên thế giới khách quan tác động vào bộ óc người để con người có ý thức mà trái lại, con người có ý thức chính vì con người chủ động tác động vào thế giới thông qua hoạt động thực tiễn để cải tạo thế giới, con người chỉ có ý thức do có tác động vào thế giới. Nói cách khác, ý thức chỉ được hình thành thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Nhờ tác động vào thế giới mà con người khám phá ra những bí mật của thế giới, ngày càng làm phong phú và sâu sắc ý thức của mình về thế giới.

Ngôn ngữ do nhu cầu của lao động và nhờ vào lao động mà ý thức. Không có hệ thống tín hiệu này – tức ngôn ngữ, thì ý thức không thể tồn tại và thể hiện được. Ngôn ngữ, theo C. Mác là cái vỏ vật chất của tư duy, là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, không có ngôn ngữ, con người không thể có ý thức.

Như vậy, nguồn gốc trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là lao động, là thực tiễn xã hội. Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc người thông qua lao động, ngôn ngữ và các quan hệ xã hội. Ý thức là sản phẩm xã hội, là một hiện tượng xã hội.

1.2 Bản chất của ý thức.

Ý thức là cái phản ánh thế giới khách quan, nhưng nó là cái thuộc phạm vi chủ quan, là thực tại chủ quan, không có tính vật chất. Ý thức là hình ảnh phi cảm tính của các đối tượng vật chất có tồn tại cảm tính. Nếu coi ý thức cũng là một hiện tượng vật chất thì sẽ lẫn lộn giữa vật chất và ý thức, làm mất ý nghĩa của sự đối lập giữa vật chất và ý thức, từ đó dẫn đến làm mất đi sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.

Tuy nhiên, ý thức không phải là bản sao giản đơn, thụ động máy móc của sự vật. Ý thức là của con người, mà con người là một thực thể xã hội năng động sáng tạo. Ý thức phản ánh thế giới khách quan trong quá trình con người tác động cải tạo thế giới.

Do đó, ý thức con người là sự phản ánh có tính năng động, sáng tạo. Ý thức là sự phản ánh sáng tạo lại hiện thực, theo nhu cầu thực tiễn xã hội, vì vậy ý thức “Chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong đầu óc con người, và được cải biến đi ở trong đó” (C. Mác và Ph. Ăngghen : Toàn tập, NXB. CTQG, HN, 1993, Trang 35). Nói cách khác, ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người, song đây là sự phản ánh đặc biệt – phản ánh trong quá trình con người, cải tạo thế giới. Quá trình ý thức là quá trình thống nhất của 3 mặt sau đây:

- Một là trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng phản ánh. Sự trao đổi này mang tính chất hai chiều, có định hướng và chọn lọc các thông tin cần thiết.
- Hai là, mô hình hóa đối tượng trong tư duy dưới dạng hình ảnh tinh thần. Thực chất đây là quá trình “Sáng tạo lại” hiện tượng của ý thức, theo nghĩa mã hóa các đối tượng vật chất thành các ý thức tinh thần phi vật chất.
- Ba là, chuyển mô hình từ tư duy ra hiện thực khách quan, tức quá trình hiện thực hóa tư tưởng, thông qua hoạt động thực tiễn biến cái quan niệm thành cái thực tại, biến các ý tưởng phi vật chất trong tư duy thành các dạng vật chất ngoài hiện thực. Trong giai đoạn này con người lựa chọn những phương pháp, phương tiện, công cụ để tác động vào hiện thực khách quan nhằm thực hiện mục đích của mình. Điều đó càng nói lên tính năng động sáng tạo của ý thức.

Tính sáng tạo của ý thức không có nghĩa là ý thức đẻ ra vật chất. Sáng tạo của ý thức là sáng tạo của sự phản ánh, theo qui luật và trong khuôn khổ của sự phản ánh, mà kết quả bao giờ cũng là những khách thể tinh thần. Sự sáng tạo của ý thức không đối lập, loại trừ, tách rời sự phản ánh mà ngược lại thống nhất với phản ánh, trên cơ sở phản ánh. Phản ánh và sáng tạo là hai mặt thuộc bản chất của ý thức.

Ý thức trong bất cứ trường hợp nào - cũng là sự phản ánh và chính thực tiễn xã hội của con người tạo ra sự phản ánh phức tạp, năng động, sáng tạo của bộ óc.

III. Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức:

Theo duy tâm thì ý thức quyết định vật chất

Theo duy vật thì vật chất quyết định ý thức

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa xã hội khoa học nên trong nhận thức của chúng ta phải là vật chất quyết định ý thức.

Cái nhìn khách quan, tức là nhìn từ nhiều khía cạnh của cùng một sự vật hiện tượng. Thường thì con người rất chủ quan !

Giữa vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng, thể hiện qua vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức và tính độc lập tương đối, sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất.

- Vật chất (xét đến cùng) là cái có trước, nó sinh ra và quyết định đối với ý thức. Vật chất tồn tại khách quan, độc lập với ý thức và là nguồn gốc sinh ra ý thức (não người là dạng vật chất có tổ chức cao, là cơ quan phản ánh hình thành ý thức, ý thức tồn tại phụ thuộc vào hoạt động thần kinh của bộ não). Trong quá trình phản ánh thế giới khách quan, ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất đó vào con người. Thế giới khách quan là nguồn gốc của ý thức, quyết định nội dung của ý thức. Ý thức bắt nguồn từ một thuộc tính của vật chất, đó là một thuộc tính phản ánh phát triển thành, ý thức ra đời là kết quả phát triển lâu dài của thuộc tính phản ánh của vật chất.

Điều kiện quyết định cho sự ra đời của ý thức là những tiền đề nguồn gốc xã hội, ý thức ra đời cùng với quá trình hình thành bộ óc con người nhờ lao động, ngôn ngữ và những quan hệ xã hội, ý thức là sản phẩm của sự phát triển xã hội. Do vậy, vật chất quyết định sự phát triển của ý thức, quyết định tính phong phú, đa dạng, nhiều vẻ của ý thức.

- Ý thức do vật chất sinh ra và quyết định nhưng sau khi ra đời ý thức có tính độc lập tương đối nên nó có sự tác động trở lại to lớn đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Nói tới vai trò của ý thức tức là nói đến vai trò của con người vì ý thức là ý thức của con người, bản thân của ý thức tự nó không làm thay đổi gì hiện thực. Mác nói :“..lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh bại bởi lực lượng vật chất..” Ý thức tác động trở lại vật chất theo hai hướng: Ý thức, tư tưởng có thể quyết định làm sao con người hoạt động đúng và thành công khi nó phản ánh đúng và sâu sắc thế giới khách quan, nó sẽ thúc đẩy thế giới vật chất phát triển nhanh vì đó là cơ sở quan trọng cho việc xác định mục tiêu, phương hướng và biện pháp chính xác.

Ngược lại ý thức, tư tưởng có thể làm cho con người hoạt động sai và thất bại khi con người phản ánh sai thế giới khách quan, nó sẽ kìm hãm sự phát triển của thế giới vật chất.

VD: Aristôt đưa ra thuyết “địa tâm” coi trái đất là trung tâm của vũ trụ đã làm kìm hãm sự phát triển của thế giới vật chất. Vì vậy con người phải phát huy vai trò sáng tạo của thế giới khách quan. Tuy nhiên cơ sở để phát huy tính năng động chủ quan của ý thức là việc thừa nhận tính khách quan của vật chất, thừa nhận quy luật tự nhiên của xã hội. Nếu như thế giới vật chất với những thuộc tính, quy luật của nó tồn tại khách quan không phụ thuộc vào ý thức con người thì trong hoạt động thực tiễn phải xuất phát từ thực tế khách quan, lấy thực tế khách quan làm căn cứ cho hoạt động của mình.

- Biểu hiện của mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong đời sống xã hội là quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, trong đó tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và ý thức xã hội có tính độc lập tương đối tác động trở lại xã hội. ngoài ra, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức còn là cơ sở để xem xét các mối quan hệ khác như chủ thể và khách thể, lý luận và thực tiễn, điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan.

Phần II

Ý nghĩa phương pháp luận và sự vận dụng của Đảng ta trong quá trình đổi mới:

1. Ý nghĩa phương pháp luận:

Vì vật chất quyết định ý thức nên trong hoạt động thực tiễn chúng ta phải xuất phát từ hiện thực khách quan, tôn trọng và tuân theo quy luật khách quan. Vì ý thức tác động trở lại vật chất nên trong hoạt động thực tiễn chúng ta phải chú ý giáo dục và nâng cao nhận thức cho con người.

Mác nói: “Cố nhiên vũ khí phê phán không thể thay thế sự phê phán bằng vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh bại bởi lực lượng vật chất, nhưng lý luận một khi thâm nhập được vào quần chúng thì sẽ trở thành lực lượng vật chất”.

Chống quan điểm duy ý chí: V.I.Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh không được lấy ý muốn chủ quan của mình làm chính sách, không được lấy tình cảm làm điểm xuất phát cho chiến lược cách mạng. Nếu chỉ xuất phát từ ý muốn chủ quan, nếu lấy ý chí áp đặt cho thực tế, lấy ảo tưởng thay cho hiện thực thì sẽ mắc phải bệnh duy ý chí.

Bệnh chủ quan duy ý chí là do sự yếu kém về trình độ nhận thức nói chung và sự hạn chế trong quá trình áp dụng lý luận vào thực tiễn nói riêng. Do đó, Lênin đã gọi căn bệnh này "là sự mù quáng chủ quan", là sai lầm tự phát dẫn đến rơi vào chủ nghĩa duy tâm một cách không tự giác. Về lý luận, bệnh chủ quan duy ý chí có nhiều biến thể phức tạp và trở thành mầm mống cho nhiều căn bệnh mới trong nhận thức. Song vẫn có khả năng được ngăn ngừa và loại bỏ.

2. Sự vận dụng của Đảng ta trong quá trình đổi mới:

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội “Đảng ta đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan” trong việc xác định mục tiêu, bước đi về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế... Căn bệnh đó biểu hiện ở chỗ, chúng ta đã chủ quan trong việc đánh giá những khả năng hiện có, vì thế mà sinh ra những ảo tưởng về tốc độ cải tạo, phát triển kinh tế, và do đó, dẫn đến việc đề ra những chỉ tiêu quá cao trong xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất.

Trong cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đổi mới, chúng ta đã không có được một đường lối, chính sách phát triển kinh tế thận trọng và khoa học dẫn đường. Sai lầm chủ quan duy ý chí đó là sự vi phạm nguyên tắc khách quan của sự xem xét, trái với tinh thần của phép biện chứng duy vật.

Trước tình hình nền kinh tế miền Bắc còn bị phá hoại, nền kinh tế miền Nam bị đảo lộn và suy sụp, lạm phát trầm trọng, Đại hội Đảng lần thứ IV lại đề ra những chỉ tiêu kế hoạch năm 1976 - 1980 quá cao và phát triển sản xuất quá khả năng của nền kinh tế, như: năm 1975, phấn đấu đạt 21 triệu tấn lương thực, 1 triệu tấn cá biển, 1

triệu hecta khai hoang, 1 triệu 200 hecta rừng mới trồng..., 10 triệu tấn than sạch, 2 triệu tấn xi măng.. Đến hết năm 1980, nhiều chỉ tiêu kinh tế chỉ đạt khoảng 50-60% mức đề ra, nền kinh tế tăng trưởng rất chậm chạp, tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân 1,5%, công nghiệp tăng 2,6%, nông nghiệp giảm 0,15%. Đại hội Đảng lần thứ V, cũng chưa tìm ra được đầy đủ những nguyên nhân đích thực sự trì trệ trong nền kinh tế của nước ta và cũng chưa đề ra các chủ trương, chính sách và toàn diện về đổi mới, nhất là về kinh tế.

Tại Đại hội Đảng VI, Đảng đã tự phê bình một cách nghiêm khắc, đã phân tích đúng nguyên nhân của tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội, đề ra các định hướng và xác định chủ trương đổi mới đặc biệt là đổi mới về kinh tế, thực hiện mục tiêu ba chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.. Vì vậy, từ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và từ kinh nghiệm thành công và thất bại trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ VII chỉ ra những tồn tại lớn cần giải quyết như vấn đề lạm phát, thiếu việc làm, trong điều hành quản lý còn nhiều sơ hở, lúng túng.. Đặc biệt Đại hội cũng xác định: “Về quan hệ đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị phải tập trung sức đổi mới kinh tế, đáp ứng đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống và làm việc, các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành đổi mới trong lĩnh vực chính trị”. Đại hội đã rút ra bài học quan trọng là: “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan và hành động theo quy luật khách quan”.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Đảng ta chủ trương “lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững”, nâng cao trình độ dân trí, trình độ tri thức và tay nghề cho người lao động. Muốn vậy “phải khơi dậy trong dân lòng yêu nước, ý chí quyết cường, phát huy tài trí của người Việt Nam, quyết tâm đưa nước nhà khỏi nghèo nàn, lạc hậu” - tức phát huy tính năng động của ý thức. Đẩy mạnh đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tiếp tục làm sáng tỏ con đường đi lên CNXH ở nước ta. Nâng cao công tác tuyên truyền giáo dục lý luận chính trị để tạo nên sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong Nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình triết học Mác – Lênin.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, HN.
- [3]. C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, NXB CTQG, HN, 1995, Tập 23 tr. 21.
- [4]. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB CTQG, HN.
- [5]. Công cụ tìm kiếm: Google